

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **605** /SYT-NVY
V/v góp ý dự thảo Đề án đổi mới công tác
tuyên truyền về an toàn thực phẩm

Bắc Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2017

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn ;
- Sở Công Thương;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Căn cứ Thông báo số 03/TB-UBND ngày 06/01/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương tại Hội nghị kiểm điểm công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm năm 2016, triển khai nhiệm vụ, giải pháp năm 2017; Kế hoạch số 03/KH-SYT ngày 09/01/2017 của Sở Y tế về triển khai công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành Y tế Bắc Giang năm 2017.

Sở Y tế đã xây dựng xong dự thảo Đề án đổi mới công tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm giai đoạn 2017-2020 (dự thảo kèm theo). Đề án được hoàn thiện trước khi trình UBND tỉnh ký ban hành, Sở Y tế đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, đóng góp vào Dự thảo Đề án.

Đề nghị các đơn vị gửi văn bản góp ý về Sở Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) theo địa chỉ email: ttksbenhtat@bacgiang.gov.vn trước ngày 28/4/2017 để hoàn thiện, trình Chủ tịch UBND tỉnh đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT NVY.

Bản kiến nghị:

- Như trên;
- BCĐ ATTP tỉnh theo QĐ 832/QĐ-UBND tỉnh ngày 3/6/2016;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
Y TẾ
Hà Thị Hồng Thúy

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2017

Dự thảo

ĐỀ ÁN

**Đổi mới công tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm
tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Phần mở đầu

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết

Trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta được vận hành theo cơ chế thị trường. Các loại thực phẩm sản xuất, chế biến trong nước và nước ngoài lưu hành trên thị trường Việt Nam ngày càng nhiều. Việc sử dụng các chất phụ gia trong sản xuất thực phẩm trở nên phổ biến. Các loại hóa chất, phẩm màu, đường hóa học... bị lạm dụng trong pha chế nước giải khát, sản xuất bánh kẹo, chế biến thức ăn sẵn như thịt quay, giò chả, ô mai ... Nhiều loại thịt bán trên thị trường không qua kiểm duyệt thú y. Tình hình sản xuất thức ăn, đồ uống không đảm bảo chất lượng, không theo đúng thành phần nguyên liệu cũng như quy trình công nghệ đã đăng ký với cơ quan quản lý; Nhãn hàng và quảng cáo không đúng sự thật xảy ra khá phổ biến.

Ngoài ra, việc sử dụng hóa chất như: Trừ sâu, diệt cỏ, kích thích tăng trưởng, bảo quản... không đúng quy định gây ô nhiễm nguồn nước, môi trường và để lại lượng tồn dư trong thực phẩm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người tiêu dùng. Việc bảo quản lương thực, thực phẩm không đúng quy cách tạo điều kiện cho vi khuẩn và nấm mốc phát triển đã dẫn đến các vụ ngộ độc thực phẩm...

Những thiệt hại khi không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng khác nhau, từ bệnh cấp tính, mạn tính đến tử vong. Thiệt hại chính do các bệnh liên quan đến thực phẩm bản là tính mạng người dân, chi phí khám, chữa bệnh, phục hồi sức khỏe, chi phí chăm sóc người bệnh, mất thu nhập cho các gia đình do phải nghỉ làm...

Chính vì vậy, vấn đề đảm bảo VSATTP để phòng các bệnh liên quan đến thực phẩm bản có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của mỗi địa phương. Những tồn tại, yếu kém trong quản lý VSATTP trong thời gian qua có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng nhất là nhận thức, hiểu biết và hành vi của người dân, của các doanh

nghiệp, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh và sử dụng thực phẩm và cả cán bộ quản lý các cấp.

Xác định chất lượng VSATTP giữ vị trí quan trọng và là một trong những vấn đề cấp bách cần được quan tâm, ưu tiên trong giai đoạn hiện nay để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của nhân dân, góp phần giảm tỷ lệ mắc bệnh, duy trì và phát triển nòi giống, tăng cường sức lao động, học tập, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, văn hóa - xã hội và xây dựng nếp sống văn minh, khoa học. Ngày 04/01/2012 Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 20/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030. Thực hiện Chiến lược này, ngày 15/5/2012 UBND Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch số 959/KH-UBND về việc thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011- 2020 và tầm nhìn 2030 (gọi tắt là Kế hoạch số 959). Trong Chiến lược quốc gia và Kế hoạch của UBND tỉnh, nhiệm vụ tuyên truyền về VSATTP luôn được đặt lên hàng đầu và là biện pháp cơ bản, quan trọng nhất được quan tâm. Đặc biệt tại Hội nghị kiểm điểm công tác quản lý nhà nước về ATTP năm 2016, triển khai nhiệm vụ, giải pháp năm 2017, Lãnh đạo UBND tỉnh đã có ý kiến kết luận và chỉ đạo cần phải xây dựng và triển khai Đề án đổi mới công tác tuyên truyền VSATTP của tỉnh.

Xuất phát từ tình hình thực tế, yêu cầu của công tác VSATTP hiện nay trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở Chiến lược quốc gia, kế hoạch và kết luận của UBND tỉnh. Việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án đổi mới công tác tuyên truyền VSATTP của tỉnh Bắc Giang là rất cần thiết và là một trong những vấn đề cần được ưu tiên hàng đầu.

II. Căn cứ xây dựng Đề án

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật ATTP;
- Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn 2030;
- Kế hoạch số 15/KH/TU ngày 18/01/2012 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc thực hiện Chỉ thị số 08/CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới;
- Kế hoạch số 959/KH-UBND ngày 15/5/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011- 2020 và tầm nhìn 2030;
- Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc tăng cường công tác bảo đảm ATTP trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 1542/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai thực hiện chỉ thị 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP;

- Chương trình phối hợp số 18/CTrPH-UBND-MTTQ ngày 08/9/2016 giữa UBND tỉnh - Ủy ban MTTQ tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2016 – 2020;

- Kế hoạch số 296/KHPH-UBND-MTTQ ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh - Ủy ban MTTQ tỉnh về việc phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Kế hoạch số 114/KH-SYT ngày 26/10/2016 của Sở Y tế Bắc Giang về kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 – 2020 của Ngành Y tế tỉnh Bắc Giang.

- Thông báo 03/TB-UBND ngày 06/01/2017 của UBND tỉnh về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương tại Hội nghị kiểm điểm công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm năm 2016, triển khai nhiệm vụ, giải pháp năm 2017.

- Kế hoạch số 55/KH-BCDLN ngày 06/01/2017 của Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP tỉnh Bắc Giang về kế hoạch triển khai công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm năm 2017;

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM GIAI ĐOẠN 2011-2016

I. Những kết quả đã đạt được

Trong giai đoạn 2011 – 2016 công tác truyền thông, giáo dục phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP đã được các ngành, các địa phương quan tâm, triển khai thực hiện, đặc biệt trong các đợt cao điểm như dịp Tết, tháng hành động vì ATTP, lễ hội, mùa hè, các sự kiện do địa phương tổ chức... Hình thức và nội dung tuyên truyền ngày càng được trú trọng, phát huy ưu điểm của hệ thống truyền thanh; thực hiện tuyên truyền lồng ghép với các hoạt động thanh tra, kiểm tra; tổ chức tập huấn, hội thảo chuyên đề; các văn bản của Trung ương, của tỉnh cơ bản được thực hiện. Kết quả triển khai công tác tuyên truyền đã góp phần cải thiện, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các nhà lãnh đạo quản lý; người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm.

Trong giai đoạn này, trung bình mỗi năm toàn tỉnh tổ chức được: 90 hội nghị/lễ phát động triển khai tháng hành động về ATTP với 11.283 người tham dự; tổ chức nói chuyện, hội nghị, hội thảo, tập huấn được 6.138 buổi với 484.975 lượt người tham gia... Ngoài ra, triển khai tuyên truyền kiến thức pháp luật về ATTP trong các bản tin nội bộ để làm tài liệu sinh hoạt tại các chi, đảng bộ; trình chiếu các tiểu phẩm tuyên truyền về ATTP tại các buổi chiếu phim lưu động thuộc các huyện miền núi. Từ đó những kết quả triển khai công tác truyền

thông về ATTP nêu trên đã góp phần cải thiện, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bảo đảm ATTP của các nhà lãnh đạo quản lý; người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng.

Kết quả điều tra kiến thức thực hành đúng về ATTP của nhóm đối tượng truyền thông năm 2015 như sau:

- Tỷ lệ người lãnh đạo quản lý (LDQL) có kiến thức và thực hành đúng về ATTP đạt 81,4%, trong đó người LDQL trong cơ quan nhà nước có kiến thức, thực hành đúng đạt 82,3%, người LDQL trong các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt 78,3%;

- Tỷ lệ người sản xuất thực phẩm (SXTP) đạt 72,5%;

- Tỷ lệ người kinh doanh thực phẩm (KDTP) đạt 71,4%;

- Tỷ lệ người tiêu dùng thực phẩm (TDTP) đạt 70,8%.

II. Tồn tại và hạn chế

1. Nhân lực

Số lượng cán bộ làm công tác ATTP còn thiếu về số lượng, tổng số cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác ATTP tại các cấp là 1.426 người (cán bộ chuyên trách chiếm 4,2%; cán bộ kiêm nhiệm chiếm 95,8%). Hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế do đa phần chưa được tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là tập huấn kỹ năng truyền thông về ATTP, nên công tác truyền thông, giáo dục phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP trong cộng đồng gặp nhiều khó khăn, mang lại hiệu quả chưa cao (*phụ lục 1*).

2. Các hoạt động truyền thông (*phụ lục 2*)

2.1. Hình thức truyền thông trực tiếp

Trong giai đoạn 2011 - 2016, hình thức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng còn đơn điệu, số lượng ít, đối tượng chưa phù hợp, hiệu quả chưa cao. Hình thức truyền thông trực tiếp được triển khai chủ yếu là:

- Lễ phát động/Hội nghị phát động tháng hành động ATTP thực hiện tại tỉnh và các huyện, thành phố người tham dự chưa đông, đa phần là các bộ trong các đơn vị sự nghiệp nhà nước. Sự tham gia của người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và người dân còn hạn chế.

- Tuyên truyền lồng ghép tại các buổi họp, sinh hoạt thường kỳ của một số hội, đoàn thể như: Hội nông dân, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên... Trung bình 6.138 buổi/năm, trong một năm chưa được 27 lần/xã, phường, thị trấn. Như vậy, số lần ít, thời gian giành cho tuyên truyền về ATTP tại các buổi lồng ghép ít, trong khi đó các nội dung cần tuyên truyền thì nhiều, mặt khác người làm tuyên truyền chưa được tập huấn kỹ năng truyền thông về ATTP, nên hiệu quả tuyên truyền đạt hiệu quả chưa cao. Đây là một trong các đối tượng đích rất quan trọng cần truyền thông thay đổi hành vi về ATTP.

2.2. Hình thức truyền thông gián tiếp

2.2.1. Trên các phương tiện thông tin đại chúng:

Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trong giai đoạn qua đã được phát huy, tuy nhiên chất lượng chưa cao, nội dung chưa thống nhất, chưa có kế hoạch cụ thể cho từng vấn đề cần truyền thông dẫn đến nội dung tuyên truyền ở các huyện, thành phố chưa thống nhất. Có những thông điệp được phát đi phát lại nhiều lần, có thông điệp được phát rất ít, thậm chí có thông điệp chưa được phát. Đặc biệt chuyên mục và chuyên trang về ATTP trên sóng Đài PT&TH tỉnh, Báo Bắc Giang một số nội dung còn nghèo nàn.

2.2.2. Tuyên truyền qua các ấn phẩm, tài liệu (hình ảnh trực quan):

Các ấn phẩm, tài liệu truyền thông ít, không đủ để cấp phát, sử dụng tại cộng đồng, chủ yếu do Trung ương cấp:

- Tranh, pano, áp phích: Tính trung bình có 2075 tờ/năm, chia đều các huyện, thành phố được 207 tờ/huyện thành phố/năm. Chủ yếu là áp phích, số lượng giảm dần theo các năm: năm 2015 có 778 tờ; năm 2016 có 800 tờ. Pano, tranh tuyên truyền gần như không có.

- Tờ rơi: Trung bình 37.156 tờ/năm, chia đều các huyện, thành phố được 3.715 tờ/huyện, thành phố/năm, số lượng quá ít.

- Tạp chí sức khỏe, Bản tin về ATTP do Trung ương cấp số lượng ít, năm có, năm không, trong đó không tổng hợp, phản ánh được các hoạt động về ATTP của tỉnh, tỉnh không có tạp chí riêng về ATTP.

2.2.3. Tuyên truyền lưu động:

Đây cũng là phương pháp truyền thông mang lại hiệu quả cao, tuy nhiên trung bình một năm chỉ thực hiện được 01 đợt/huyện, thành phố (năm 2016 không có).

3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí đầu tư cho công tác truyền thông, giáo dục phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP còn thấp, trong giai đoạn 2011 - 2016 trung bình mỗi năm 160 triệu chiếm 3,33% trong tổng kinh phí chi cho ATTP. Năm 2016 kinh phí chi cho hoạt động này không có (phụ lục 3,4).

4. Đánh giá kiến thức, thực hành đúng về ATTP

Từ những hạn chế, tồn tại về công tác truyền thông, giáo dục phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP nêu trên, dẫn đến kết quả đánh giá kiến thức, thực hành đúng về ATTP đạt tỷ lệ chưa cao:

- Một số nhóm đối tượng truyền thông có kiến thức, thực hành đúng đạt tỷ lệ chưa cao đặc biệt là huyện Sơn Động, Lạng Giang, Lục Nam và Việt Yên:

+ Người LDQL thuộc huyện Sơn Động đạt 66,7%; Lục Nam đạt 72,7% (Kế hoạch 959 mục tiêu là 80%).

+ Người SXTP thuộc huyện Sơn Động đạt 66,7% (*Kế hoạch 959 mục tiêu là 70%*).

+ Người KDTP huyện Sơn Động đạt 66,7%; Lạng Giang đạt 68,8% (*Kế hoạch 959 mục tiêu là 70%*).

+ Người TDTP huyện Sơn Động đạt 58,3%; Lạng Giang 68,8%; Việt Yên đạt 69,4% (*Kế hoạch 959 mục tiêu là 70%*).

- Một số hạn chế trong nhận thức, thực hành về ATTP:

+ Các nhóm đối tượng truyền thông chưa có hiểu biết đúng, thực hành đúng những quy định của pháp luật về ATTP: Người LĐQL trong các cơ quan nhà nước chiếm 17,7%; người LĐQL trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chiếm 21,7%; người SXTP chiếm 27,5%; người KDTP chiếm 28,6%; người TDTP chiếm 29,2%.

+ Người LĐQL trong các cơ quan nhà nước chưa biết cơ quan nào là đơn vị chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về ATTP chiếm 20,5%; chưa nắm rõ những hình thức có thể được áp dụng để xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn chiếm 16,4%; chưa từng được chủ trì hoặc tham gia chỉ đạo, điều tra các vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn chiếm 18,2%.

5. Tình hình ngộ độc thực phẩm:

Trong giai đoạn 2011 - 2016, toàn tỉnh vẫn xảy ra 24 vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính, với 842 người mắc. 100% số vụ ngộ độc thực phẩm là do thực phẩm bị ô nhiễm vi sinh vật. Số vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra tại bếp ăn tập thể là 12 vụ, chiếm 50%, tại tiệc cỗ (đám cưới, tân gia, đám cỗ) là 10 vụ, chiếm 41,7%. Tại bữa ăn gia đình là 02 vụ, chiếm 8,3% (*phụ lục 5,6*).

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức của người quản lý; người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực phẩm về ATTP góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của người dân trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- 100% người quản lý; 95% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; 80% người tiêu dùng thực phẩm có kiến thức thực hành đúng về ATTP.

- 100% cán bộ quản lý ATTP các cấp được tập huấn chương trình cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ;

- 100% cộng tác viên ATTP ở tuyến xã, phường được tập huấn kiến thức về ATTP.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng truyền thông

- Các nhà lãnh đạo, quản lý;
- Người sản xuất, chế biến, kinh doanh;
- Người tiêu dùng thực phẩm.

2. Nội dung truyền thông

2.1. Tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm ATTP:

- Luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện, văn bản quy định về bảo đảm ATTP trong “Chuỗi cung cấp thực phẩm” như: Luật ATTP năm 2010; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Thủy sản năm 2003; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Pháp lệnh thú y năm 2004; Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001; Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004; Pháp lệnh giống vật nuôi năm 2004; Luật Thanh tra sửa đổi năm 2010; các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, Pháp lệnh về lĩnh vực ATTP.

- Các văn bản chỉ đạo của Đảng: Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 12/10/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 18/01/2012 của Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư.

- Các văn bản chỉ đạo của Chính phủ: Chỉ thị số 08/1999/CT-TTg ngày 15/4/1999 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo chất lượng vệ sinh ATTP; Chỉ thị số 06/2007/CT-TTg ngày 28/3/2007 của Thủ tướng chính phủ về việc triển khai các biện pháp cấp bách bảo đảm VSATTP; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo đảm ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước về ATTP.

- Các văn bản quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thực phẩm.

- Danh mục các hóa chất, phụ gia được sử dụng trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm.

2.2. Thông tin, tuyên truyền kiến thức về ATTP; phòng ngừa sự cố ATTP:

- Kiến thức khoa học trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm sạch, an toàn; sử dụng hóa chất, phụ gia trong sản xuất, chế biến bảo đảm an toàn; đăng ký, cam kết sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn; công bố quy trình sản xuất, kinh doanh bảo đảm ATTP.

- Những điều cần biết về chất lượng ATTP; biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi; biện pháp phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm ở người.

- Kiến thức lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn; khuyến cáo người tiêu dùng chỉ mua và sử dụng những sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc, xuất xứ, bảo đảm ATTP; tác hại của việc sử dụng thực phẩm không bảo đảm ATTP tới sức khỏe con người; quyền lợi và nghĩa vụ của người tiêu dùng.

- Các tiêu chí ATTP gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; thay đổi những phong tục, tập quán ăn uống mất vệ sinh, ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng con người.

- Thông báo công khai tới các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, người tiêu dùng những thông tin về các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản được kiểm soát ATTP theo chuỗi và xác nhận an toàn để người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận với nguồn cung ứng thực phẩm an toàn.

2.3. *Tuyên truyền bằng khẩu hiệu đảm bảo ATTP dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội (phụ lục 9).*

III. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về nhân lực:

Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan, đơn vị, bộ phận được giao nhiệm vụ thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật ATTP ở các cấp, các ngành, các đơn vị, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn phổ biến pháp luật và kiến thức quản lý, kiểm tra ATTP, phòng chống sự cố về ATTP cho thành viên BCĐLN về ATTP các cấp; cán bộ làm công tác ATTP trong ngành y tế; cán bộ y tế trường học; tập huấn kiến thức kỹ năng truyền thông ATTP cho cán bộ làm công tác ATTP trong ngành y tế, ngành NN&PTNT, ngành Công thương(*Phụ lục 1,7,8*)

2. Giải pháp về các phương pháp truyền thông

Huy động đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, công thương, nông nghiệp; MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp; các doanh nghiệp thực phẩm để tổ chức, triển khai hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức pháp luật, thực hành bảo đảm ATTP thông qua hình thức tổ chức các phong trào cộng đồng dân cư và các cấp hội;

Tăng thời lượng, chất lượng tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa đài tại địa phương; mở rộng và nâng cao chất lượng chuyên mục, chuyên trang về ATTP trên Đài PT&TH tỉnh, Báo Bắc Giang; kết hợp với các hình ảnh trực quan như tranh, ảnh, pano, băng rôn, tờ rơi... để chuyển tải thông điệp đến các nhóm đối tượng truyền thông. Kịp thời biểu dương gương người tốt, việc tốt cũng như phê phán, công khai những hành vi sai trái về bảo đảm ATTP trên phương tiện thông tin đại chúng.

Tổ chức tuyên truyền bằng các hình thức như hái hoa dân chủ; nói chuyện chuyên đề; triển khai tư vấn, hướng dẫn trực tiếp trong quá trình thanh tra, kiểm tra về ATTP; các cuộc thi tìm hiểu kiến thức về ATTP với các hình thức: Thi ảnh đẹp cho đối tượng tham gia là các tổ chức, cá nhân đang làm việc và sinh

sống tại địa bàn tỉnh Bắc Giang; Thi theo hình thức sân khấu hóa với mỗi huyện, thành phố 01 đội và mỗi sở, ban ngành 01 đội.

3. Giải pháp uy động kinh phí

Sắp xếp, huy động các nguồn lực tăng đầu tư ngân sách cho công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật ATTP; Huy động từ các nguồn chương trình mục tiêu, các dự án trong nước và quốc tế cho viện tuyên truyền kiến thức ATTP; các nguồn lực trong cộng đồng, các doanh nghiệp, nhà tài trợ cho công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật ATTP.

IV. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

Đối với người tiêu dùng thực phẩm: Người tiêu dùng thực phẩm khi có kiến thức, hiểu biết tốt sẽ đòi hỏi người sản xuất, kinh doanh thực phẩm đưa những sản phẩm bảo đảm an toàn ra thị trường. Cộng đồng được sử dụng thực phẩm an toàn sẽ làm giảm gánh nặng bệnh tật, chi phí cho khám chữa bệnh từ các nguyên nhân do thực phẩm sẽ được dành để phát triển kinh tế; mặt khác người dân có sức khỏe tập trung để phát triển kinh tế tốt hơn, nâng cao mức sống của hộ gia đình, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Đối với người sản xuất và kinh doanh thực phẩm: Khi có các kiến thức về ATTP tốt sẽ có ý thức và biện pháp đưa những sản phẩm thực phẩm an toàn ra thị trường, được người tiêu dùng chấp nhận; từ đó tạo uy tín và từng bước nâng cao uy tín của các doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh thực phẩm của doanh nghiệp sẽ phát triển bền vững, tăng doanh thu và đóng góp thuế cho Nhà nước.

Đối với đội ngũ cán bộ làm quản lý về ATTP: Khi có kiến thức ATTP đầy đủ, thường xuyên được cập nhật, nâng cao sẽ có các biện pháp quản lý đạt hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí quản lý ATTP tại các cấp.

2. Hiệu quả xã hội

Nâng cao ý của người dân thực thực hiện chủ trương đường lối, chính sách pháp luật của nhà nước, góp phần duy trì sự ổn định xã hội.

Từ việc nâng cao hiệu quả kinh tế, dẫn đến có nguồn đầu tư cho các lĩnh vực an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân góp phần ổn định và phát triển xã hội.

Người tiêu dùng được sử dụng thực phẩm an toàn, giảm tỷ lệ mắc các bệnh do thực phẩm, góp phần tích cực vào quá trình cải tạo giống nòi của dân tộc, bảo đảm quá trình phát triển của xã hội.

V. KINH PHÍ

1. **Tổng nhu cầu kinh phí: 13.585.470.000 đồng** (Mười ba tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.)

2. Nhu cầu kinh phí

- Năm 2017: 5.134.400.000 đồng

- Năm 2018: 2.534.900.000 đồng.
- Năm 2019: 2.798.900.000 đồng.
- Năm 2020: 3.117.270.000 đồng.

(Có dự toán chi tiết tại phụ lục 10)

3. Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí trung ương;
- Nguồn ngân sách của tỉnh, huyện;
- Nguồn từ các hoạt động xã hội hóa khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Là cơ quan trường trực, tham mưu UBND, xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án “Đổi mới công tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020”.

Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và tổ chức thành viên của MTTQ (Hội LHPN, LĐLĐ, Đoàn thanh niên...) triển khai tuyên truyền, giáo dục về ATTP. Duy trì việc công khai đường dây nóng về ATTP của các đơn vị chức năng trong ngành tại các cấp.

Triển khai tập huấn, kiến thức, pháp luật về ATTP cho người quản lý, người sản xuất, kinh doanh thực phẩm; tập huấn kiến thức kỹ năng truyền thông ATTP cho cán bộ làm công tác ATTP trong ngành y tế; Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về ATTP cho cán bộ y tế học đường; chỉ đạo nhân viên y tế thôn bản làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền về ATTP.

Tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP; Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu UBND, xây dựng và triển khai thực hiện các các hoạt động của Đề án; Định hướng nội dung tuyên truyền cho báo chí và Đài truyền thanh các huyện thành phố về ATTP theo định kỳ tháng, quý, năm.

Theo dõi đôn đốc các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về ATTP theo đề án này; giám sát việc quảng cáo thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo việc duy trì đường dây nóng về ATTP của cơ quan, đơn vị chức năng trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết, chủ động phản ánh, tố giác các hành vi vi phạm về ATTP.

Tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP; Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

3. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng tuyên truyền vận động người dân bảo đảm ATTP trong các khu du lịch, lễ hội, các sự kiện thể thao, văn hóa trên địa bàn tỉnh; Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các tiêu chí bảo đảm ATTP gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, thay đổi những phong tục tập quán mất vệ sinh, ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng con người.

Tích cực tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP; Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Tổ chức triển khai thực hiện các các hoạt động của Đề án; Phát động phong trào thi đua gắn với bảo đảm ATTP; tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên trong từng tổ chức tích cực tham gia các hoạt động bảo đảm ATTP, tham gia làm tuyên truyền viên về ATTP ở địa phương, đơn vị, doanh nghiệp.

Phối hợp với các cơ quan đơn vị chức năng tổ chức các lớp tập huấn kiến thức, pháp luật về ATTP cho các đoàn viên, hội viên; hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản, sử dụng thực phẩm an toàn; Vận động các hội viên tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp” về ATTP, trong cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm lần thứ nhất

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và Hội Nông dân các cấp triển khai tuyên truyền, giáo dục về ATTP; Tập huấn, phổ biến kiến thức, pháp luật/xác nhận kiến thức về ATTP cho người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý.

Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tới người tiêu dùng các cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn; duy trì công việc công khai đường dây nóng về ATTP của các đơn vị chức năng trong ngành tại các cấp.

Tổ chức tập huấn, tuyên truyền kiến thức, pháp luật về ATTP các quy trình, quy phạm bảo đảm ATTP trong sản xuất nông sản thực phẩm; Tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức,

người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP.

Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

6. Sở Công Thương

Phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng và Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp triển khai tuyên truyền, giáo dục về ATTP. Tập huấn, phổ biến kiến thức, pháp luật/xác nhận kiến thức về ATTP cho người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý; Tổ chức tập huấn, tuyên truyền kiến thức, pháp luật về ATTP các quy trình, quy phạm bảo đảm ATTP trong sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

Duy trì việc công khai đường dây nóng về ATTP của các đơn vị chức năng trong ngành tại các cấp. Tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP.

Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

7. Đài PT&TH, Báo Bắc Giang

Duy trì, mở rộng và nâng cao chất lượng chuyên mục, chuyên trang về ATTP trên sóng đài phát thanh, truyền hình, trên báo in và báo điện tử theo chỉ tiêu đề án để thực hiện nội dung tuyên truyền; kịp thời biểu dương trên các phương tiện thông tin đại chúng các gương người tốt việc tốt, cũng như phê phán các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về ATTP.

Tăng cường các tin, bài, phóng sự, phỏng vấn, video clip, hình ảnh, tổ chức các chương trình đối thoại, tọa đàm trực tiếp liên quan đến các nội dung về ATTP phát trên sóng đài phát thanh, truyền hình và đăng tải trên báo in, báo điện tử; Vận động các cán bộ tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp” về ATTP, trong cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm lần thứ nhất.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các trường học triển khai việc tích hợp nội dung giáo dục bảo đảm ATTP vào các môn học chính khóa, ngoại khóa phù hợp nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về ATTP cho học sinh, sinh viên. Thường xuyên tuyên truyền về ATTP tới toàn thể giáo viên; các trường học có bếp ăn tập thể, căng tin kinh doanh ăn uống thực hiện tốt công tác ATTP.

Phối hợp với Sở Y tế tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về ATTP cho cán bộ y tế học đường; Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

9. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn nội dung và mức chi thực hiện các hoạt động của Đề án; bố trí kinh phí hàng năm để triển khai các hoạt động của Đề án có hiệu quả.

Tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP. Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế và các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế chính sách huy động các nguồn lực đầu tư cho công tác đảm bảo ATTP; lồng ghép các chỉ tiêu cơ bản về ATTP vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từng năm và cả giai đoạn; bố trí nguồn lực đáp ứng các hoạt động thực hiện Đề án.

Tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP; Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

11. Các sở, ban ngành khác

Chỉ đạo các đơn vị trong ngành, thường xuyên phối hợp với các sở, ngành có liên quan tăng cường tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP.

12. UBND huyện, thành phố

Bố trí nguồn nhân lực, tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực cho công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn; bố trí ngân sách đầu tư cho hoạt động truyền thông, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP.

Phối hợp với các sở chuyên ngành triển khai việc thực hiện các nội dung của Đề án “Đổi mới công tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm”.

Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và thực hành về ATTP, ý thức chấp hành pháp luật về quản lý ATTP cho nhân dân trên địa bàn; nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng và ý thức, thực hành của người tiêu dùng thực phẩm.

Tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các đơn vị có bếp ăn tập thể thực hiện tốt công tác bảo đảm ATTP; Vận động cán bộ viên chức trong ngành tham gia cuộc thi “Ảnh đẹp về ATTP”. Tổ chức và lựa chọn đội thi, tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm với hình thức sân khấu hóa.

Trên đây là Đề án đổi mới công tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017 – 2020; Yêu cầu Giám đốc các sở, các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND(Báo cáo);
- Chủ tịch và các Phó CT UBND (Báo cáo);
- Các Sở/ban/ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB tỉnh: Lãnh đạo VP, KH, TH, NC;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

Bảng 10: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ

I. DỰ KIẾN KINH PHÍ CÁC HOẠT ĐỘNG/NĂM

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Triệu đồng)	Ghi chú
I	TẬP HUẤN				1.097,93	
1	<i>Tập huấn, phổ biến pháp luật và kiến thức quản lý, kiểm tra ATTP, phòng chống sự cố về ATTP cho thành viên BCĐLN về ATTP các cấp:</i>				720,27	
	<i>1.1.1. Tập huấn tuyến tỉnh</i>				7,5	- Thành phần: 45 người (Gồm: BCD và tổ công tác liên ngành tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thành phố). - Thời gian: 01 ngày/lớp. - Số lớp: 01 lớp - Giảng viên: Mời Lãnh đạo Cục ATTP
	Tiền tài liệu	Quyển	45	30.000	1,35	
	Nước uống	Người	45	20.000	0,9	
	Tiền ăn	Người	45	50.000	2,25	
	Thuê hội trường	Ngày	1	1.800.000	1,8	
	Tiền giảng viên	Ngày	1	1.200.000	1,2	
	<i>1.1.2. Tập huấn tuyến huyện, thành phố.</i>				99,5	- Thành phần: 450 (Gồm: BCD huyện (trừ chủ tịch); chủ tịch các xã, phường, thị trấn) - Thời gian: 02 ngày/lớp. - Số lớp: 10 lớp (01 lớp/huyện, thành phố) - Giảng viên: Tuyến tỉnh
	Tiền tài liệu	Quyển	450	30.000	13,5	
	Nước uống	Người	450	40.000	18	
	Tiền ăn	Người	450	100.000	45	
	Trang trí khánh tiết	Ngày	10	300.000	3	
	Tiền giảng viên	Ngày	20	1.000.000	20	
	<i>1.1.3. Tập huấn tuyến xã</i>				613,27	- Thành phần: 3.131 người (Gồm: BCD các xã, phường, thị trấn (trừ chủ tịch xã, phường, thị trấn; mỗi TYT 01 cán bộ phụ trách công tác
	Tiền tài liệu	Quyển	3.131	30.000	93,93	
	Nước uống	Người	3.131	40.000	125,24	
	Tiền ăn	Người	3.131	100.000	313,1	

	Trang trí khánh tiết	Ngày	54	300.000	16,2	ATTP, cán bộ khoa ATTP của TTYT) - Thời gian: 02 ngày/lớp. - Số lớp: 54 lớp - Giảng viên: Tuyền huyện.
	Tiền giảng viên	Ngày	108	600.000	64,8	
2	1.2. Tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về ATTP cho cán bộ y tế học đường.				146,36	- Thành phần: 769 người (551 người chuyên trách; 218 người kiêm nhiệm làm công tác y tế trường học) - Thời gian: 02 ngày/lớp. - Số lớp: 10 lớp - Giảng viên: Tuyền huyện
	Tiền tài liệu	Quyển	769	30.000	23,7	
	Nước uống	Người	769	40.000	30,76	
	Tiền ăn	Người	769	100.000	76,9	
	Trang trí khánh tiết	Ngày	10	300.000	3	
	Tiền giảng viên	Ngày	20	600.000	12	
3	Tập huấn kiến thức kỹ năng truyền thông ATTP cho cán bộ làm công tác ATTP ngành Y tế, ngành NN&PTNT, ngành Công thương				231,3	- Thành phần: 1.090 người + Ngành y tế: 276 người (huyện: 46 người; xã 230 người) + Ngành NN&PTNT: 480 người (20 huyện, thành phố; 460 người UBND xã phường, thị trấn). + Ngành Công thương: 334 người (104 huyện, thành phố; 230 UBND xã, phường): - Thời gian: 02 ngày/lớp. - Số lớp: 20 lớp - Giảng viên: Tuyền tỉnh
	Tiền tài liệu	Quyển	1.090	30.000	32,7	
	Nước uống	Người	1.090	40.000	43,6	
	Tiền ăn	Người	1.090	100.000	109	
	Trang trí khánh tiết	Ngày	20	300.000	6	
	Tiền giảng viên	Ngày	40	1.000.000	40	
II	PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG TRỰC TIẾP				1.622,5	
1	Tổ chức tuyên truyền theo hình thức hái hoa dân chủ:				522,5	- Số lượng: 18.000 người.(60 người/ buổi = 300 buổi) - Tài liệu phát cho người đến dự: (05 tờ giấy A4: 10 mặt) - Người tổ chức thực hiện chương trình là cán bộ phụ trách công tác ATTP của TYT xã, phường, thị
	Thiết kế tài liệu	Bộ	01	500.000	0,5	
	Tiền tài liệu	Bộ	18.000	4.000	72	
	Nước uống	Người	18.000	10.000	180	
	Trang trí khánh tiết	Ngày	300	300.000	90	

	Tiền người thực hiện	Buổi	300	400.000	120	trán phối hợp với chính quyền, hội nông dân, hội phụ nữ... tại địa phương tổ chức: (02 người/buổi x 200.000đ/người/buổi = 400.000đ).
	Quà cho người trả lời suất sắc	Phần	3.000	20.000	60	
2	Phối hợp với một số hội, đoàn thể như: Hội nông dân, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên... để lồng ghép tuyên truyền tại các buổi họp, sinh hoạt thường kỳ (Hỗ trợ tiền nước uống)	Buổi	11.500	50.000	575	- Hình thức: tuyên truyền lồng ghép tại các buổi họp sinh hoạt thường kỳ của một số hội, đoàn thể. - Số buổi: 11.500 buổi/năm (50 buổi/xã, phường, thị trấn). - Người thực hiện: Cán bộ làm công tác ATTP ngành Y tế, ngành NN&PTNT, ngành Công thương phối hợp với các hội như: Hội nông dân, Hội phụ nữ,... của thôn
3	Tổ chức lễ phát động /Hội nghị phát động tháng hành động vì ATTP				341	
	Tổ chức lễ phát động tháng hành động vì ATTP (hỗ trợ cho các huyện, thành phố)	Buổi	10	10.000.000	100	- Hình thức: mít tinh, diễu hành - Người tổ chức: Chủ tịch UBND huyện, thành phố - Địa điểm: Do huyện, thành phố - Số lượng: 10 (01 buổi/huyện, thành phố/năm).
	Tổ hội nghị phát động tháng hành động vì ATTP (Hỗ trợ tiền nước uống + Khánh tiết hội trường)	Buổi	241	1.000.000	241	- Hình thức: Hội thảo, hội nghị. - Người tổ chức: Chủ tịch UBND các cấp (Trưởng BCĐLN về ATTP). - Số lượng: 241 buổi/năm (tỉnh: 01 buổi; huyện: 10 buổi; xã: 230 buổi)
4	Nói chuyện chuyên đề về ATTP (hỗ trợ tiền nước uống)	Buổi	920	200.000	184	- Hình thức: trao đổi thông tin và trả lời câu hỏi - Số buổi: 920/năm

						- Người thực hiện: Cán bộ làm công tác ATTP ngành Y tế, ngành NN&PTNT, ngành Công thương phối hợp với các hội như: Hội nông dân, Hội phụ nữ,... của xã, phường, thị trấn	
II	PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG GIÁN TIẾP					1.831,6	
1	Tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng:					405,7	
	1.1. Trên sóng Đài PT&TH tỉnh:					52,8	
	Tin, bài, phóng sự truyền hình	Tin, bài, PS	48	500.000		24	- Số lượng: 72 tin, bài, phóng sự, chuyên mục. - Hỗ trợ cho chi trả tiền nhuận bút:
	Chuyên mục	Số	24	1.200.000		28,8	
	1.2. Trên Báo Bắc Giang:					21,6	
	Tin, bài, ảnh	Tin, bài, ảnh	48	200.000		9,6	- Số lượng: 72 tin, bài, ảnh và chuyên trang - Hỗ trợ cho chi trả tiền nhuận bút:
	Chuyên trang	Số	24	500.000		12	
	1.3. Trên Đài PT&TH huyện:					52	
	Hỗ trợ các bài chi trả nhuận bút	Lượt	520	100.000		52	- Số lượng: 520 lượt phát sóng trên Đài PT&TH huyện, thành phố. - Hỗ trợ cho chi trả tiền nhuận bút:
	1.4. Trên Đài phát thanh xã, phường thị trấn:					239,3	
	Bài tuyên truyền	Lượt	11.960	20.000		239,2	11.960 lượt Truyền thông, giáo dục kiến thức thực hành, pháp luật về ATTP phát trên Đài phát thanh xã, phường, thị trấn
	1.5. Tuyên truyền tại một số buổi chiếu phim do Trung tâm					40	200 lượt các thông điệp, Video clip tại các buổi chiếu phim tại một số xã miền núi, vùng sâu, vùng xa

	Phát hành phim và Chiếu bóng tỉnh Bắc Giang thực hiện:					trên địa bàn tỉnh, Tuyên truyền, giáo dục kiến thức thực hành, pháp luật ATTP
	Hỗ trợ các buổi chiếu	Lượt	200	200.000	40	
2	Tuyên truyền qua các ấn phẩm, tài liệu truyền thông:				1.425,9	
	2.1. Panô tuyên truyền (Hỗ trợ)	Chiếc	936	700.000	655,2	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 936 chiếc (436 chiếc tại chợ hạng 3; 50 chiếc/huyện, thành phố) - Nội dung: Hướng dẫn cách chọn mua thực phẩm an toàn; Nội dung “10 nguyên tắc vàng chế biến thực phẩm an toàn”, “5 chìa khóa vàng để có thực phẩm an toàn”... - Địa điểm: Treo tại trung tâm huyện và một số trục đường chính tại thành phố Bắc Giang; 109 chợ hạng 3 trên địa bàn tỉnh.
	2.2. Băng rôn:				251,5	
	Huyện, thành phố	Chiếc	150	450.00	67,5	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 150 chiếc treo tại trung tâm các huyện và trên một số trục đường tại thành phố Bắc Giang. - Hình thức: : Cắt chữ đề can dán lên trên vải. Kích thước: 0,75x10m
	Xã, phường thị trấn (Hỗ trợ)	Chiếc	920	200.000	184	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 920 chiếc/năm (04 chiếc/xã, phường, thị trấn).
2.3. Áp phích:					<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: In 04 màu, 1 mặt láng bóng, kích thước: 50 x 70 cm. 	
Tiền in ấn	Tờ	10.000	8.000	80	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 10.000 tờ. 	

	2.4. Tờ rơi:					- Hình thức: In 04 màu, 2 mặt. Giấy cuse 120g/cm ² . Kích thước: 20 x 30 cm. - Số lượng: 100.000 tờ .
	Tiền in ấn	Tờ	200.000	920	184	
	2.5. Biên tập, in ấn tập san "Chuyên đề về ATTP" của tỉnh:				115,2	- Ban biên tập: 05 người (01 Trưởng ban, 01 phó trưởng ban, 03 thành viên). - Xuất bản 04 số tập san/năm (01 số/quý). - 01 Tập san gồm: 20 trang (04 trang bìa, 16 trang ruột), in 2 màu. - Số lượng: 4.000 cuốn / số.
	- Hỗ trợ Ban biên tập:				7,6	
	+ Trưởng, phó ban biên tập	Người	08	500.000	4	
	+ Thành viên	Người	12	300.000	3,6	
	- Chi trả nhuận bút	Số	04	5.000.000	20	
	- Tiền in ấn tập san	Cuốn	16.000	5.000	80	
	2.6. Tuyên truyền lưu động:				140	-Số lượng: 40 ca Tuyên truyền lưu động tại trung tâm huyện, thành phố và một số xã, phường, thị trấn. - Số băng rôn treo theo xe: 02 chiếc/ca
	Chi trả tiền thuê xe	Ca	40	3.000.00	120	
	Tiền băng rôn treo theo xe	Chiếc	80	250.000	20	
III	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm:				582,37	
	Thuê Hội trường, ánh sáng, bảo vệ, điện nước, Maket chính, phướn trước cửa hội trường, cờ đuôi nheo (15 chiếc).	Ngày	2	22.800	45,6	
	Trang trí trong sân khấu -Lăng hoa tươi để bàn đại biểu	Lăng	6	50.000	0,3	
	Trang trí ngoài hội trường:	Chiếc	5	520.000	2,6	Khẩu hiệu vượt đường: 8m x

Thuê dẫn chương trình hội thi (2 người x 2 ngày)	Người/ngày	4	1.000.000	4
Chi công việc khác phục vụ hội thi				4,2
Chi nước uống cho BTC, BGK, thư ký, phục vụ: 32 người x 4 ngày = 160 người/ngày	Người/ngày	160	20.000	3,2
Xăng xe đưa đón ban tổ chức, giám khảo hội thi (20lit/100Km x 250km = 50lít)	Lít	50	20.000	1
Chi biên soạn, in ấn phục vụ hội thi:				9,97
Cờ lưu niệm (0.3m x 0.35m)	Chiếc	26	150.000	3,9
Cờ giải (0.4m x 0.6m)	Chiếc	25	150.000	3,75
Thẻ BTC, BGK, tổ thư ký, tổ phục vụ	Thẻ	40	20.000	0,8
Cáp để bàn (BTC, BGK, Tổ thư ký, Đại biểu)	Chiếc	4	50.000	0,2
Văn phòng phẩm (Ban giám khảo, tổ thư ký): Túi, giấy, bút, sổ notebook	Bộ	8	40.000	0,32
In đề thi, tài liệu Hội thi	Hội thi	1	1.000.000	1
Kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị tham gia hội thi để tập luyện và tuyển chọn đội thi cho Hội thi cấp tỉnh. Mỗi đơn vị dự thi 15.000.000đ x 26 đơn vị	Đơn vị	26	15.000.000	390
Cộng: I + II + III				5.134,4

Tổng cộng: 5.134.400.000 đồng (Năm tỷ, một trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn)

						0.8m = 6.4m ² , Vải bạt Hiflex Đài loan, chịu được mưa nắng, in full kỹ thuật số, in màu. Cán 2 đầu, dây treo
	Thuê nhạc công, âm thanh (Cả khớp nhạc và hôm biểu diễn chính):	Ngày	6	6.000.000	36	
	Chi khen thưởng hội thi				49,5	
	<i>Giải thi ảnh</i>					
	Giải A	Giải	1	5.000.000	5	
	Giải B	Giải	2	3.000.000	6	
	Giải C	Giải	5	1.500.000	7,5	
	Giải khuyến khích	Giải	10	500.000	5	
	<i>Giải thi sân khấu hóa</i>					
	Giải A	Giải	1	7.000.000	7	
	Giải B	Giải	2	5.000.000	10	
	Giải C	Giải	2	3.000.000	6	
	Giải khuyến khích	Giải	3	1.000.000	3	
	Chi bồi dưỡng BTC, BGK, tổ thư ký				44,2	
	Chi bồi dưỡng Ban giám khảo chấm ảnh, sân khấu (4 người/ngày x 4 ngày)	Người/ngày	16	500.000	8	
	Chi bồi dưỡng Ban tổ chức thường trực hội thi (9 người/ngày x 4 ngày)	Người/ngày	36	350.000	12,6	
	Chi bồi dưỡng tổ thư ký (3 người/ngày x 4 ngày)	Người/ngày	12	300.000	3,6	
	Chi bồi dưỡng tổ phục vụ hội thi (16 người/ngày x 4 ngày)	Người/ngày	64	250.000	16	

II. NHU CẦU KINH PHÍ THEO CÁC NĂM:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nhu cầu kinh phí/năm				Tổng Kinh phí
		2017	2018	2019	2020	
I	TẬP HUẤN	1.097,93	0	0	0	
1	Tập huấn, phổ biến pháp luật và kiến thức quản lý, kiểm tra ATTP, phòng chống sự cố về ATTP cho thành viên BCDLN về ATTP các cấp:	720,27				
2	Tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về ATTP cho cán bộ y tế học đường.	146,36				
3	Tập huấn kiến thức kỹ năng truyền thông ATTP cho cán bộ làm công tác ATTP trong ngành y tế.	231,3				
II	TRUYỀN THÔNG TRỰC TIẾP	1.622,5	1.622,5	1.622,5	1.622,5	
	Tổ chức tuyên truyền theo hình thức hái hoa dân chủ:	522,5	522,5	522,5	522,5	
3	Phối hợp với một số hội, đoàn thể như: Hội nông dân, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên... để lồng ghép tuyên truyền tại các buổi họp, sinh hoạt thường kỳ	575	575	575	575	
4	Tổ chức lễ phát động Hội nghị phát động tháng hành động ATTP	341	341	341	341	
5	Nói chuyện chuyên đề về ATTP	184	184	184	184	
III	TRUYỀN THÔNG GIÁN TIẾP:	1.831,6				
1	Tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng:	405,7	405,7	405,7	405,7	

	1.1. Trên sóng Đài PT&TH tỉnh:	52,8	52,8	52,8	52,8	
	1.2. Trên Báo Bắc Giang	21,6	21,6	21,6	21,6	
	1.3. Trên Đài PT&TH huyện:	52	52	52	52	
	1.4. Trên Đài phát thanh xã, phường thị trấn:	239,3	239,3	239,3	239,3	
	1.5. Tuyên truyền tại một số buổi chiếu phim do Trung tâm Văn hóa- Điện ảnh Bắc Giang thực hiện:	40	40	40	40	
2	<i>Tuyên truyền qua các ấn phẩm, tài liệu truyền thông:</i>	1.425,9	506,7	770,7	506,7	
	2.1. Panô tuyên truyền:	655,2				
	2.2. Băng rôn:	251,5	251,5	251,5	251,5	
	2.3. Áp phích:	80		80		
	2.4. Tờ rơi:	184		184		
	2.5. Biên tập, in ấn tập san “Chuyên đề về ATTP” của tỉnh:	115,2	115,2	115,2	115,2	
	2.6. Tuyên truyền lưu động:	140	140	140	140	
IV	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm:	582,37			582,37	
	Cộng	5.134,4	2.534,9	2.798,9	3.117,27	13.585,47
<i>Tổng cộng: 13.585.470.000 đồng (Mười ba tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)</i>						

Phụ lục 1: Tổ chức hệ thống cơ quan quản lý ATTP năm 2016

TT	Tên cơ quan, đơn vị tham mưu, giúp việc	Số người biên chế chuyên trách	Số người biên chế kiêm nhiệm	Cộng	Tỷ lệ cán bộ/vạn dân
I	Ngành NN&PTNT	7	498	505	3.05
1	Cục quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	7		7	
2	Thanh tra Sở		1	1	
3	Chi cục Chăn nuôi Thú y		13	13	
4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		2	2	
5	Chi cục Thủy sản		2	2	
6	Phòng NN&PTNT/kinh tế		20	20	
7	UBND xã, phường		460	460	
II	Ngành Công thương	0	387	387	2.34
1	Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường		2	2	
2	Chi cục quản lý thị trường		31	31	
3	Phòng kinh tế hạ tầng/kinh tế		20	20	
4	Đội Quản lý thị trường		104	104	
5	UBND xã, phường		230	230	
III	Ngành Y tế	53	481	534	3.22
1	Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế		1	1	
2	Chi Cục ATTP	7		7	
3	Phòng Y tế huyện, thành phố		10	10	
4	TTYT huyện, thành phố	46	10	56	
5	Trạm Y tế		460	460	
	Cộng	60	1366	1426	8.61

Phụ lục 2: Công tác truyền thông, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP

TT	Hoạt động	ĐV tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Cộng	TB năm	
1	Lễ phát động/Hội nghị phát động tháng hành động	Buổi	105	93	62	108	115	56	539	90	
		Lượt người	24967	13951	6478	6326	12340	3598	67696	11283	
2	Nói chuyện, hội nghị, hội thảo, tập huấn, hội nghị....	Buổi	12658	5254	10633	6549	832	899	36825	6138	
		Lượt người	805690	345717	1177	505500	30397	44950	2909	484975	
3	Phát thanh, truyền hình tỉnh, huyện	Lượt	24184	12556	12799	12890	12500	12850	87779	14630	
4	Báo viết, báo điện tử	Bài	320	38	26	53	58	90	585	98	
5	Sản phẩm truyền thông	Băng rôn, khẩu hiệu	Chiếc	1828	329	2086	1225	532	452	6452	1075
		Tranh, pano, áp phích	Tờ	4835	975	1127	5061	778	800	12449	2075
		Tờ gấp, tài liệu	Tờ	77104	2464	16250	44250	73172	9694	222934	37156
		Băng, đĩa hình, đĩa âm	Chiếc	296	69	726	30	164	308	1593	266
		Tuyên truyền cơ động	Buổi	12	9	11	11	11		54	9
		Luật ATTP	Quyển		5886					5886	981
		Tài liệu phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP	Quyển		3705		141	141	9611	13598	2266
		Tạp chí sức khỏe và ATTP	Quyển		1500					1500	250
		Bản tin về VSATTP	Quyển	1250		2093	6200	4800	8844	23187	3865

Phụ lục 3: Tổng hợp kinh phí 2011 – 2016

ĐV tính: Triệu đồng

Nă m	Kinh phí trung ương			Kinh phí địa phương			Nguôn thu đượ để lại phục vụ trực tiếp cho quản lý ATTP	Nguôn n tài chính khác	Tổng vốn ngân sách	Bình quân đầu người/ năm (đồng)
	Kế hoac h	Thự c hiện	Tỷ lệ giải ngân	Kế hoac h	Thự c hiện	Tỷ lệ giải ngân				
201 1	338 4	338 4	100, 0	116.5	116.5	100,0	0	0	3500.5	1952.5
201 2	407 7	407 7	100, 0	115	115	100,0	0	0	4192	2638.9
201 3	288 9	288 9	100, 0	588	588	100,0	0	0	3477	2166.3
201 4	170 4	170 4	100, 0	1287	1287	100,0	0	0	2991	1846.2
201 5	474 2	474 2	100, 0	1176. 1	1176. 1	100,0	0	0	5918.1	3643.1
201 6	572 4	572 4	100, 0	2757	2757	100,0	35	0	8416	5079.6
Cộng g	225 20	225 20	100, 0	6445. 6	6445. 6	100,0	35	0	28900.0	2988.1

Phụ lục 4: Kinh phí chi cho công tác truyền thông, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP 2011 -2016

ĐV tính: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn ngân sách	Kinh phí chi cho công tác truyền thông, giáo dục kiến thức pháp luật về ATTP	Tỷ lệ (%)	Bình quân đầu người/năm (đồng)
2011	3500.5	260,512	7,4	1952.5
2012	4192	104,458	2,5	2638.9
2013	3477	280,731	8,1	2166.3
2014	2991	168,355	5,6	1846.2
2015	5918.1	147,817	2,5	3643.1
2016	8416	0	0	5079.6
Cộng	28900.0	961,873	3,33	2988.1

Bảng 5: Tình hình ngộ độc thực phẩm giai đoạn 2011-2016

Năm	Số vụ ngộ độc thực phẩm				Nguyên nhân do vi sinh vật, bệnh truyền nhiễm qua TP				Số vụ về ATTP khác	Ghi chú
	Số lượng	Số ca mắc	Số người mắc	Số người bị tử vong do NDTP	Số lượng	Số ca mắc	Số người mắc	Số người bị tử vong do NDTP		
2011	8	131	131	0	8	131	131	0	0	
2012	2	25	25	0	2	25	25	0	0	
2013	5	196	196	0	5	196	196	0	0	
2014	3	250	250	0	3	250	250	0	0	
2015	1	8	8	0	1	8	8	0	0	
2016	5	232	232	0	5	232	232	0	0	
Cộng	24	842	842	0	24	842	842	0	0	

Bảng 6: Tổng hợp ngộ độc thực phẩm theo nhóm nguyên nhân:

Năm	Số vụ ngộ độc thực phẩm				Thức ăn tại nhà (*)		Thức ăn bếp ăn tập thể		Nguyên nhân khác
	Số lượng	Số ca mắc	Số người mắc	Số người bị tử vong do NDTP	Số ca mắc	Tỷ lệ (%)	Số ca mắc	Tỷ lệ (%)	
2011	8	131	131	0	76	58,0	55	42,0	
2012	2	25	25	0			25	100,0	
2013	5	196	196	0	58	29,6	138	70,4	
2014	3	250	250	0	191	76,4	59	23,6	
2015	1	8	8	0			8	100,0	
2016	5	232	232	0	47	20,3	185	79,7	
Cộng	24	842	842	0	372	44,2	470	55,8	

Bảng 7: Tổng hợp số lượng thành viên BCD các cấp; cán bộ làm công tác ATTP TTYT huyện, thành phố; TYT xã, phường:

STT	Huyện, thành phố	Ban chỉ đạo		Cán bộ làm công tác ATTP TTYT, TYT	
		Xã	Huyện	Xã	Huyện
1	Sơn Động	289	29	23	5
2	Lục Ngạn	347	17	30	7
3	Lục Nam	376	27	27	5
4	Tân Yên	294	19	24	3
5	Yên Thế	291	22	21	3
6	Hiệp Hòa	327	14	26	6
7	Lạng Giang	300	31	23	4
8	Việt Yên	312	29	19	4
9	Yên Dũng	336	23	21	5
10	Tp. Bắc Giang	213	19	16	4
	Cộng	3085	230	230	46

Bảng 8: Tổng hợp số lượng cán bộ y tế học đường cần tập huấn:

Cấp học	Tổng số trường	Tổng số trường có cán bộ y tế	
		Chuyên trách	Kiểm nhiệm
Mầm non	271	113	130
Tiểu học	262	214	48
THCS	228	194	33
THPT	37	30	7
Tổng	805	551	218

Bảng 9: Nội dung khẩu hiệu tuyên truyền

1. Nhiệt liệt hưởng ứng đợt triển khai công tác tuyên truyền bảo đảm An toàn thực phẩm Tết Nguyên đán(theo năm) và mùa Lễ hội Xuân (theo năm)

2. Bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm vừa là trách nhiệm vừa là quyền lợi của doanh nghiệp.

3. Vì sức khỏe và phát triển bền vững, hãy sản xuất ra những sản phẩm thực phẩm chất lượng, an toàn.

4. Để bảo vệ sức khỏe của bạn Hãy lựa chọn, chế biến và tiêu dùng thực phẩm an toàn.

5. Lãnh đạo chính quyền các cấp, người đứng đầu các tổ chức, cơ quan hãy nêu cao vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Không sử dụng phẩm màu độc hại, các chất phụ gia, hóa chất ngoài danh mục cho phép trong sản xuất, chế biến thực phẩm

7. Mỗi người tiêu dùng hãy là một giám sát viên, đấu tranh với các hành vi vi phạm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm

8. Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm mùa lễ hội là trách nhiệm của chính quyền các cấp

9. Hiểu và thực hiện đúng Luật An toàn thực phẩm là trách nhiệm và lợi ích của doanh nghiệp và cộng đồng

10. Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm trong mùa lễ hội là trách nhiệm và lợi ích của doanh nghiệp và cộng đồng

11. Không lạm dụng rượu, bia để Tết(theo năm) an toàn, vui vẻ

12. Không uống rượu khi: không biết đó là rượu gì, rượu không có nguồn gốc, rượu không công bố tiêu chuẩn chất lượng.

(có thể điều chỉnh các thông điệp theo chỉ đạo của Trung ương)